

Bộ, tỉnh: Tỉnh Kon Tum
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường PTDTNT THPT huyện Kon Plông
Mã đơn vị: 1012069
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2022

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		190	5.940.476	2.282.124	3.658.353	1.988.478							
1	Âm ly di động INNOSM-A738	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	10.000		10.000			x					
2	Bàn ghế tiếp khách (Gỗ nhóm I)	Phòng hiệu trưởng	1	19.500	19.500									
3	Bản quyền phần mềm chấm thi trắc nghiệm MR.TEST 3.4	Phòng giáo vụ	1	20.000	20.000									
4	Bản quyền phần mềm Giáo án điện tử	Trường PT DTNT KonPlông	1	6.000	6.000									
5	Bản quyền phần mềm kế toán MISA	Phòng kế toán	1	9.850	9.850									
6	Bản quyền phần mềm QLTS	Phòng kế toán	1	8.900	8.900									
7	Bộ lưu điện cho máy chủ phòng tin học	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	22.753		22.753								
8	Cột bóng rổ L12	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.500		14.500	10.875		x					
9	Đường dây 0,4KV cấp điện tổng	Trường PT DTNT KonPlông	1	105.879	105.879									
10	Giếng khoan	Trường PT DTNT KonPlông	1	213.064	213.064									
11	Giếng nước 10M KỶ TÚC XÁ	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	29.699	29.699		11.880		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Giếng nước khu bán trú nhà tạm	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	19.959	19.959		5.988		x					
13	Giếng nước và hệ thống nước sinh hoạt	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	71.605	71.605		35.803		x					
14	Hệ thống âm ly loa đài	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	60.000		60.000			x					
15	Hệ thống âm thanh di động	Phòng đa năng	1	25.928		25.928								
16	Hệ thống bếp lò hơi cơ khí D350	Nhà bếp học sinh	1	205.500	205.500		35.963							
17	Hệ thống Camera quan sát KBVISION	Phòng hội đồng	1	27.000	27.000		16.875		x					
18	Hệ thống loa, âm ly	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	55.900	55.900									x
19	Hệ thống máy lọc nước 7 vòi	Bếp ăn tập thể	1	115.893	115.893		69.536							
20	Hệ thống thoát nước, điện ngoài nhà	Trường PT DTNT KonPlông	1	66.558		66.558	53.247		x					
21	Kết sắt đổi mã HP	Phòng Văn thư -Thủ quỹ	1	13.800	13.800									
22	Màn hình LED tương tác 65 inc INNOITV-650	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	82.670		82.670			x					
23	Máy ảnh Canon LS750D	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	16.150	16.150		3.230		x					
24	Máy chấm trắc nghiệm	Phòng giáo vụ	1	46.070	46.070									
25	Máy chiếu công nghệ đa năng VIEWSONY CPJD5255	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	25.290		25.290			x					
26	Máy chiếu đa năng Casio XJ-F210 phan hiệu	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	52.506		52.506			x					
27	Máy chiếu đa năng Casio XJ-F210WN	Phòng bộ môn sinh học	1	52.506		52.506			x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
28	Máy chiếu đa vật thể VERTEX D-4105S	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	1	21.950	21.950				x					
29	Máy chiếu vật thể NEWLINE TC-20P	Phòng bộ môn khoa học xã hội	1	17.902		17.902								
30	Máy chiếu vật thể NEWLINE TC-20P	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	17.902	17.902				x					
31	Máy chủ ACER AT350-F3 phòng máy tính	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	129.766		129.766			x					
32	Máy fax CANON I-170	Phòng văn thư	1	11.251		11.251			x					
33	Máy in Laser khổ A3	Phòng giáo vụ	1	10.000		10.000	6.000		x					
34	Máy in laser trắng đen Canon LBP 253X	Phòng văn thư	1	13.752		13.752			x					
35	Máy lọc nước RO 100L	Khu Kí túc xá	1	99.500	99.500									
36	Máy ôn áp tự động SH 10000 II	Phòng Tin học	1	10.500		10.500	6.300		x					
37	Máy photo Konika	Phòng giáo vụ	1	60.500	60.500		15.125		x					
38	Máy photocopy KONICAMI NOLTA BIZUB 206	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	39.900		39.900	9.975		x					
39	Máy photocopy Konika Minolta Bizhub 368	Phòng giáo vụ	1	82.500	82.500		61.875							
40	Máy photocopy SHARP AR-M460N	Phòng văn thư	1	107.513		107.513	40.317		x					
41	Máy quay KTS	Phòng văn thư	1	20.527		20.527	7.698							
42	Máy quét tài liệu chuyên dụng DR-C240 DULEX	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	46.070	46.070		8.062		x					
43	Máy Scan PLUSTEK PS4080U	Phòng văn thư	1	25.003		25.003			x					
44	Máy tính cho giáo viên tin học	Phòng dạy tin	1	20.027		20.027			x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
45	Máy tính để bàn Acer	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	12.845	12.845				x					
46	Máy tính để bàn chipset H61	Phòng Tin học	3	34.500	34.500					x				
47	Máy tính DeLL coi5 cho giáo viên phòng tin	Phòng Tin học	1	15.000		15.000	9.000		x					
48	Máy tính học sinh phòng máy	Phòng dạy tin	24	387.046		387.046								
49	Máy tính HP15	Phòng bộ môn Mỹ Thuật	1	25.290	25.290									
50	Máy tính LENOVOG4070	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	13.000	13.000				x					
51	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
52	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
53	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
54	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
55	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
56	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
57	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
58	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
59	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
60	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
61	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
62	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
63	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
64	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
65	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
66	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
67	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
68	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
69	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
70	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
71	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
72	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
73	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
74	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
75	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
76	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
77	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
78	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
79	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
80	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
81	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
82	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
83	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
84	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
85	Máy tính phòng tin	Trường PT DTNT KonPlông	1	14.980		14.980	8.988		x					
86	Máy tính thư viện Acer X4650G	Phòng dạy tin	3	55.282		55.282								
87	Máy tính xách tay HP 15	Phòng tư vấn học đường	1	26.000	26.000									x
88	Máy tính xách tay Intel Core i7 - 6500U	Phòng dạy tin	8	196.000		196.000			x					
89	Máy tính xách tay Y4G01PA	Phòng giáo vụ	1	25.000		25.000			x					
90	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	10	85.000	85.000					x				
91	MTXT Acer P449M	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	39.005		39.005								
92	Phần mềm kế toán HCSN	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	10.500	10.500		8.400		x					
93	Phần mềm quản lý tiền lương	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	19.900	19.900		11.940		x					
94	Phần mềm Quản lý tiền lương MISA SalaGov	Phòng kế toán	1	19.900	19.900		11.940		x					
95	Phần mềm quản lý trường học	Phân hiệu trường PTDTNT	1	15.000		15.000	12.000		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
96	Phần mềm tạo đề chấm thi trắc nghiệm MrTEST 6.0S	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	27.320		27.320	21.856		x					
97	Phần mềm tạo đề và chấm trắc nghiệm MrTEST 6.0	Phòng giáo vụ	1	27.320	27.320		18.037		x					
98	Phần mềm thời khóa biểu	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	15.000	15.000		12.000		x					
99	Sân bóng chuyền	Trường PT DTNT KonPlông	1	284.069	284.069		142.035							
100	Sân đường bộ	Trường PT DTNT KonPlông	1	815.366		815.366	733.829		x					
101	Sân khấu văn nghệ	TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN KON PLONG	1	30.459	30.459		7.615		x					
102	Server cho máy chủ phòng tin học	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	22.753		22.753			x					
103	Thiết bị mạng, thiết bị điện và phụ kiện	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	1	19.002		19.002			x					
104	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
105	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
106	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
107	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
108	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
109	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
110	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
111	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
112	Ti Vi SMART 4K 65 INCH	Trường PT DTNT KonPlông	1	42.500		42.500	25.500							
113	Tivi LG 660LX 54IH	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	8	267.920		267.920								
114	Tivi LG LV-340C	Phân hiệu trường PTDTNT Kon Plông	2	48.006		48.006								
115	Tivi thôngminh LG 55 inc	Phòng Thiết bị, thí nghiệm	2	68.550	68.550				x					
116	Trang bị thiết bị phòng họp trực tuyến, Tivi, micro, Bộ điều khiển, Camera..	Trường PT DTNT KonPlông	1	95.000	95.000		57.000		x					
117	Tủ hồ sơ HP 2 cánh (tủ sắt)	Trường PT DTNT KonPlông	2	11.600	11.600									
118	Tủ HS gỗ tự nhiên nhóm IV	Khu Kí túc xá	20	190.000	190.000									

Ngày tháng năm

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Duyên

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Đình Su Giang